

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 19/5/2021  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Hà

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu K; Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

*2. Bị đơn:* Chị Trần Thị Tr (Trần Thị Ch); Sinh năm: 1988

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh K, vắng mặt chị Tr (Ch)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Hữu K trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Tr (Trần Thị Ch) kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng vẫn hoà thuận, thỉnh thoảng có chút phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Nhưng không hiểu vì nguyên nhân gì mà ngày 28/8/2014 chị Tr (Ch) đã tự ý bỏ nhà đi đến nay đã 07 năm không có tin tức gì, khi đi chị Tr (Ch) cũng không nói với bất kỳ ai. Anh và gia đình mẹ đẻ chị Tr (Ch) đã tìm kiếm mọi nơi nhưng vẫn không có thông tin gì. Anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành làm thủ tục Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị Tr (Ch) nhưng không có kết quả nên anh đã Yêu cầu

tuyên bố một người mất tích đối với chị Tr (Ch) và đã được Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành chấp nhận. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tr (Ch).

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/10/2009 và Nguyễn Hữu P, sinh ngày 07/5/2012. Từ khi chị Tr (Ch) bỏ đi thì hai cháu luôn ở với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị Tr (Ch) cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Tr (Ch) nhưng chị đã rời khỏi địa phương từ năm 2014 không rõ địa chỉ nên không thể tổng đạt được, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu K được ly hôn chị Trần Thị Tr (Ch); Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/10/2009 và Nguyễn Hữu P, sinh ngày 07/5/2012 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tr (Ch) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng chị Tr (Ch) không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị Tr (Ch) theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị Tr (Ch) đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[4]. Toà án cũng đã triệu tập họp lệ chị Tr (Ch) lần thứ hai đến để tham gia phiên toà nhưng chị vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị Tr (Ch).

[5]. Về việc sai lệch tên của chị Trần Thị Tr (theo sổ hộ khẩu) và Trần Thị Ch (theo trong giấy chứng nhận kết hôn). Nguyên nhân là do sai sót trong quá trình đăng ký kết hôn. Việc này đã được Công an xã T xác nhận chị Trần Thị Tr và Trần Thị Ch là cùng một người.

[6]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu K và chị Trần Thị Tr (Trần Thị Ch) kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2006 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên đôi lúc xảy ra cãi vã. Chị Tr đã bỏ nhà đi từ tháng 8 năm 2014 đến nay không về nhà, gia đình và chính quyền địa phương cũng không biết chị Tr đã đi đâu. Anh K đã làm đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị Tr, Tòa án đã chấp nhận đơn yêu cầu của anh K và thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam và báo nhân dân nhưng cũng không có tin tức của chị Tr. Anh K cũng đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Tr mất tích và Tòa án cũng đã chấp nhận đơn yêu cầu của anh K theo Quyết định số: 01/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Nay anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Tr (Ch). Nghĩ cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự để xử cho anh K được ly hôn với chị Tr (Ch).

[7]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/10/2009 và Nguyễn Hữu P, sinh ngày 07/5/2012. Từ khi chị Tr bỏ đi thì hai cháu luôn ở với anh K. Bản thân các cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh K, giao cháu T và cháu P cho anh K tiếp nuôi dưỡng, chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K.

[8]. Về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu K được ly hôn chị Trần Thị Tr (Trần Thị Ch).

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/10/2009 và Nguyễn Hữu P, sinh ngày 07/5/2012 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tr (Ch) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K.

Chị Tr (Ch) có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu K phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh K đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2018/0002997 ngày 29/01/2021. Anh K đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Nguyễn Hữu K, vắng mặt chị Trần Thị Tr (Trần Thị Ch). Anh K có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Tr (Ch) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**